

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Hoàng Giang
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN DU LỊCH TRUNG HẬU**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Hoàng Giang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Hoàng Giang

Mã SV: 1412101053

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp theo thông tư 133/2016/TT-BTC;
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần du lịch Trung Hậu
- ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2018 tại Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ... tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Hoàng Giang

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.2.1 Doanh thu	2
1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2.3 Chi phí và phân loại chi phí	4
1.1.2.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	5
1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	6
1.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC.....	7
1.2.1 Nội dung kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	9
1.2.2 Nội dung kế toán giá vốn hàng bán	11
1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	11
1.2.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng	12
1.2.2.3 Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	14
1.2.3 Nội dung kế toán chi phí quản lý kinh doanh	15
1.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng	15
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	15
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	16
1.2.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	16

1.2.4.1	Chứng từ sử dụng	16
1.2.4.2	Tài khoản sử dụng	17
1.2.4.3	Phương pháp hạch toán	18
1.2.5	Nội dung kế toán thu nhập khác.....	20
1.2.5.1	Chứng từ sử dụng	20
1.2.5.2	Tài khoản sử dụng	20
1.2.5.3	Phương pháp hạch toán	21
1.2.6	Nội dung kế toán chi phí khác	22
1.2.6.1	Chứng từ sử dụng	22
1.2.6.2	Tài khoản sử dụng	22
1.2.6.3	Phương pháp hạch toán	22
1.2.7	Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.2.7.1	Chứng từ sử dụng	23
1.2.7.2	Tài khoản sử dụng	23
1.2.7.3	Phương pháp hạch toán	25
1.3	Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	26
1.3.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.2	Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.....	27
1.3.3	Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	28
1.3.4	Hình thức kế toán máy	29
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TRUNG HẬU		30
2.1	Khái quát chung về công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.....	30
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Du lịch Trung Hậu....	30
2.1.2	Quá trình phát triển	30
2.1.3	Thuận lợi và khó khăn.....	31
2.1.4	Lĩnh vực hoạt động của công ty.....	31
2.1.5	Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	32
2.1.6	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	35
2.1.6.1	Cơ cấu bộ máy kế toán	35
2.1.6.2	Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.....	36
2.1.6.3	Tình hình vận dụng chế độ chứng từ kế toán.....	36
2.1.6.4	Hình thức ghi sổ	36

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty Cổ Phần Du lịch Trung Hậu.....	38
2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP du lịch Trung Hậu	38
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	38
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	48
2.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	51
2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.....	57
2.2.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.....	61
2.2.5 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu	61
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TRUNG HẬU	71
3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu.....	71
3.1.1 Ưu điểm.....	71
3.1.2 Hạn chế:.....	72
3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	73
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu	73
3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu	74
3.4.2 Kiến nghị 2: Về chính sách chăm sóc khách hàng.....	79
3.4.3 Kiến nghị 3: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán ...	80
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp	82
3.5.1 Về phía nhà nước	82
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	82
KẾT LUẬN	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương pháp trực tiếp	9
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý.....	9
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (trả góp).....	10
Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX	14
Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK	14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	16
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	18
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	19
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	21
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	22
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp.....	25
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	26
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	27
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	28
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.....	29
Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP du lịch Trung Hậu.....	32
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP du lịch Trung Hậu.....	35
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán của Công ty CP du lịch Trung Hậu.....	37

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT 0001701	39
Biểu số 2.2: Phiếu thu	40
Biểu số 2.3: Hoá đơn GTGT 0001711	41
Biểu số 2.4: Phiếu thu	42
Biểu 2.5: Trích bảng kê khách lẻ	43
Biểu số 2.6: Hoá đơn GTGT 0001715	44
Biểu số 2.7: Phiếu thu	45
Biểu 2.8 : Nhật kí chung.....	46
Biểu 2.9: Sổ cái	47
Biểu 2.10 Phiếu kế toán.....	48
Biểu 2.11: Nhật kí chung.....	49
Biểu 2.12 Sổ cái tài khoản 632.....	50
Biểu 2.13. Hoá đơn tiền điện thoại.....	52
Biểu 2.14: Phiếu chi	53
Biểu 2.15 Khấu hao TSCĐ.....	54
Biểu 2.16 Nhật kí chung.....	55
Biểu 2.17: Sổ cái tài khoản 642	56
Biểu số 2.18: Giấy báo lãi.....	58
Biểu 2.19: Nhật kí chung.....	59
Biểu 2.20 Trích sổ cái	60
Biểu 2.21: Phiếu kế toán	62
Biểu 2.22 Phiếu kế toán.....	63
Biểu 2.23: Phiếu kế toán	64
Biểu 2.24: Phiếu kế toán	64
Biểu 2.25: Phiếu kế toán	65
Biểu 2.26: Nhật kí chung.....	66
Biểu 2.27: Sổ cái	67
Biểu 2.28: Sổ cái	68
Biểu 2.29 : Sổ cái	69
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	75
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	76
Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng.....	77
Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	78

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển hơn, đời sống người lao động cũng ngày càng được cải thiện. Nhưng để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải có sự cố gắng tối đa trong quá trình quản lý, sản xuất kinh doanh. Cũng để đạt được mục đích đó, công tác kế toán đóng một vai trò rất quan trọng, thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý, giúp họ trong việc đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời, giúp đơn vị thực hiện được các mục tiêu đề ra.

Nhận thức được tầm quan trọng trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu”*** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP du lịch Trung Hậu.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP du lịch Trung Hậu

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường với môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để chống chọi với sức ép đó và có thể đứng vững trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chiến lược kinh doanh cụ thể, biết kinh doanh hiệu quả, quản lý nghiêm túc, tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu, tăng cường lợi nhuận. Chính vì vậy, yêu cầu về công tác hạch toán cũng như quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên được đề cao.

Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp vì nó giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn để có thể tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý thì đều gây ra khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chính vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng trong công tác hạch toán kế toán. Nó góp phần cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Qua đó, cung cấp được những thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu được bên thứ ba (Ví dụ: Nhận làm đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng) không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là

doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

❖ Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp giảm cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế

suất của từng mặt hàng. Trong đó:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

+ Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.2.3 Chi phí và phân loại chi phí

Chi phí: là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế TNDN.

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí quản lý kinh doanh:

- *Chi phí bán hàng*: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lãi liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.4. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ: là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

- Kết quả hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

- Kết quả hoạt động khác: là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh
- Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác
- Lợi nhuận sau thuế TNDN = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, những kế hoạch cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC

1.2.1 Nội dung kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

✚ Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hoá: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và đầu tư bất động sản

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

✚ Tài khoản 511 có 6 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5112: Doanh thu bán sản phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118: Doanh thu khác.

Kết cấu của tài khoản 511:

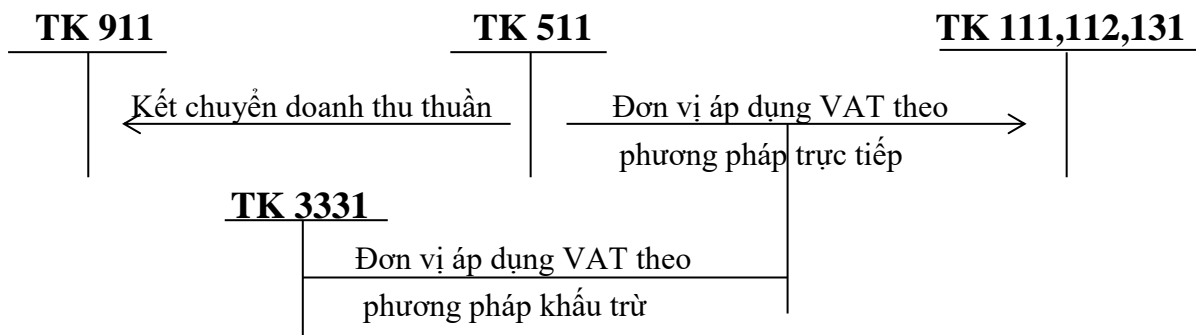
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang bên Có Tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh". 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp lao vụ, dịch vụ trong kỳ. - Các khoản trợ giá, phụ thu được tính vào doanh thu. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:

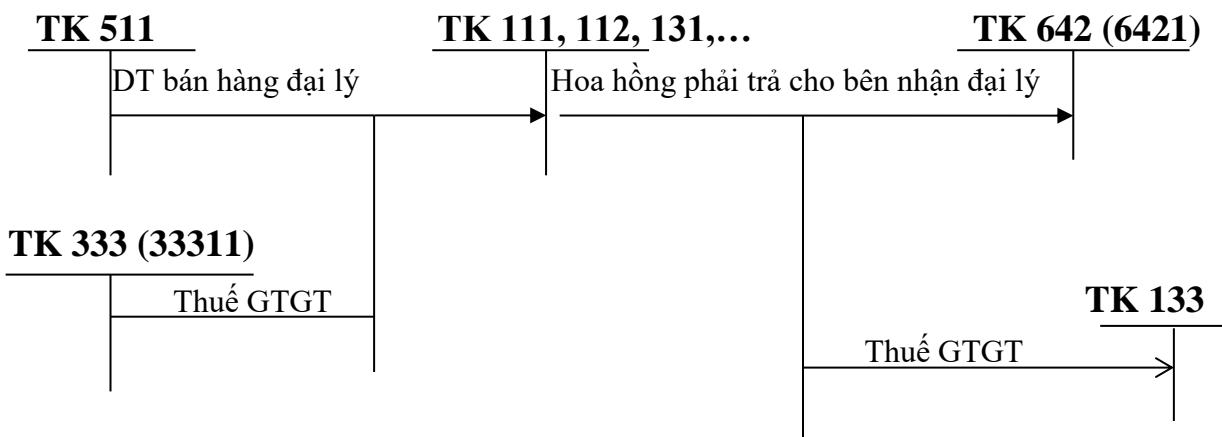
Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.



Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương pháp trực tiếp

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

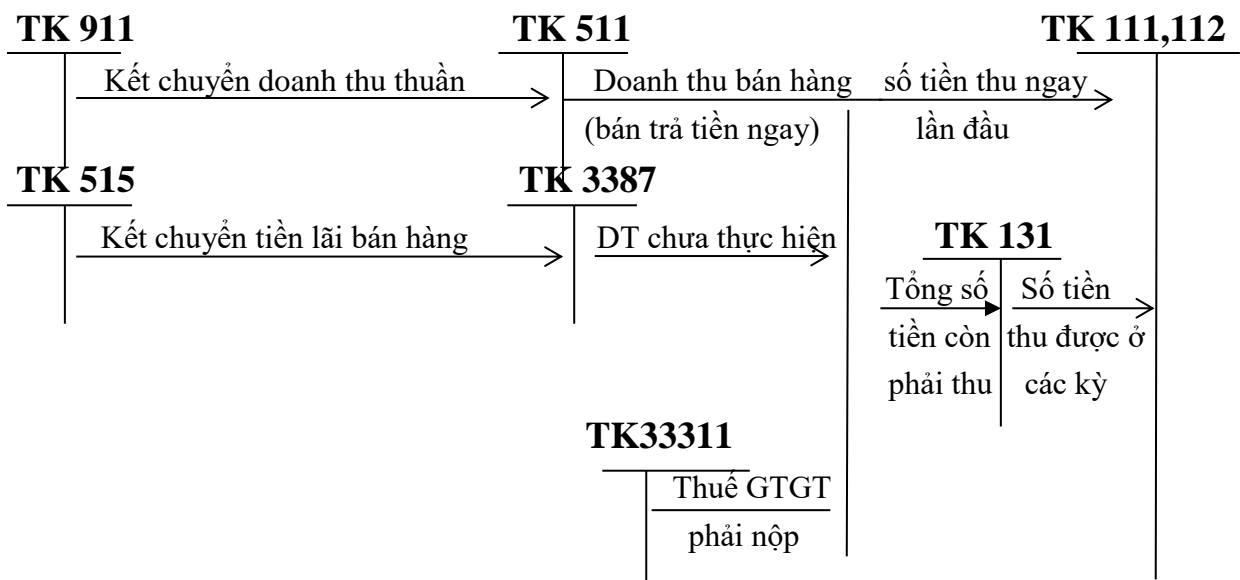
Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỉ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được.



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (trả góp)

1.2.2 Nội dung kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Trị giá vốn hàng xuất kho được tính theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

Trong đó, đơn giá xuất kho được tính theo một trong các phương pháp sau

- *Đơn giá xác định theo bình quân cả kỳ*: Là phương pháp tính giá vốn hàng hóa xuất bán cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- *Phương pháp bình quân liên hoàn*: Trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn trước khi xuất kho}}{\text{Số lượng hàng tồn trước khi xuất kho}}$$

- *Phương pháp nhập trước - xuất trước*: Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

- *Phương pháp thực tế đích danh*: Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với doanh nghiệp nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

- *Phương pháp bán lẻ*: Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi

nhANH chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự). Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn.

1.2.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng

TK 632 - Giá vốn hàng bán

Kết cấu TK 632:

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư.

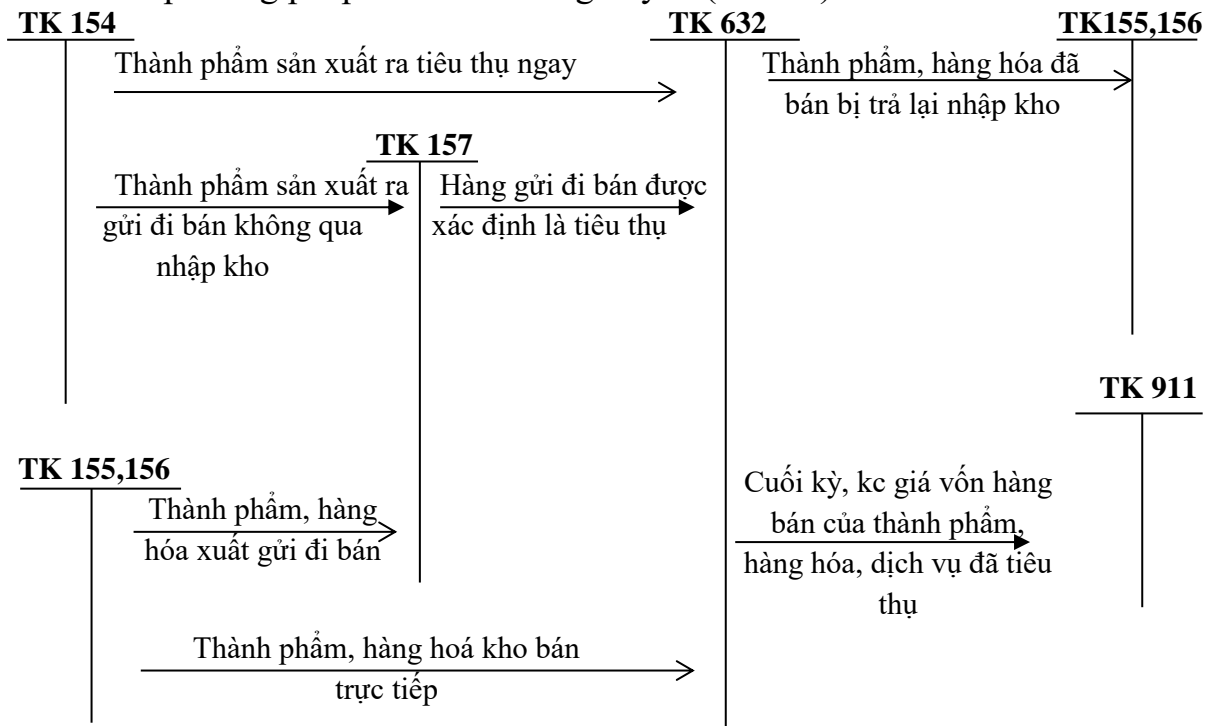
➤ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư.

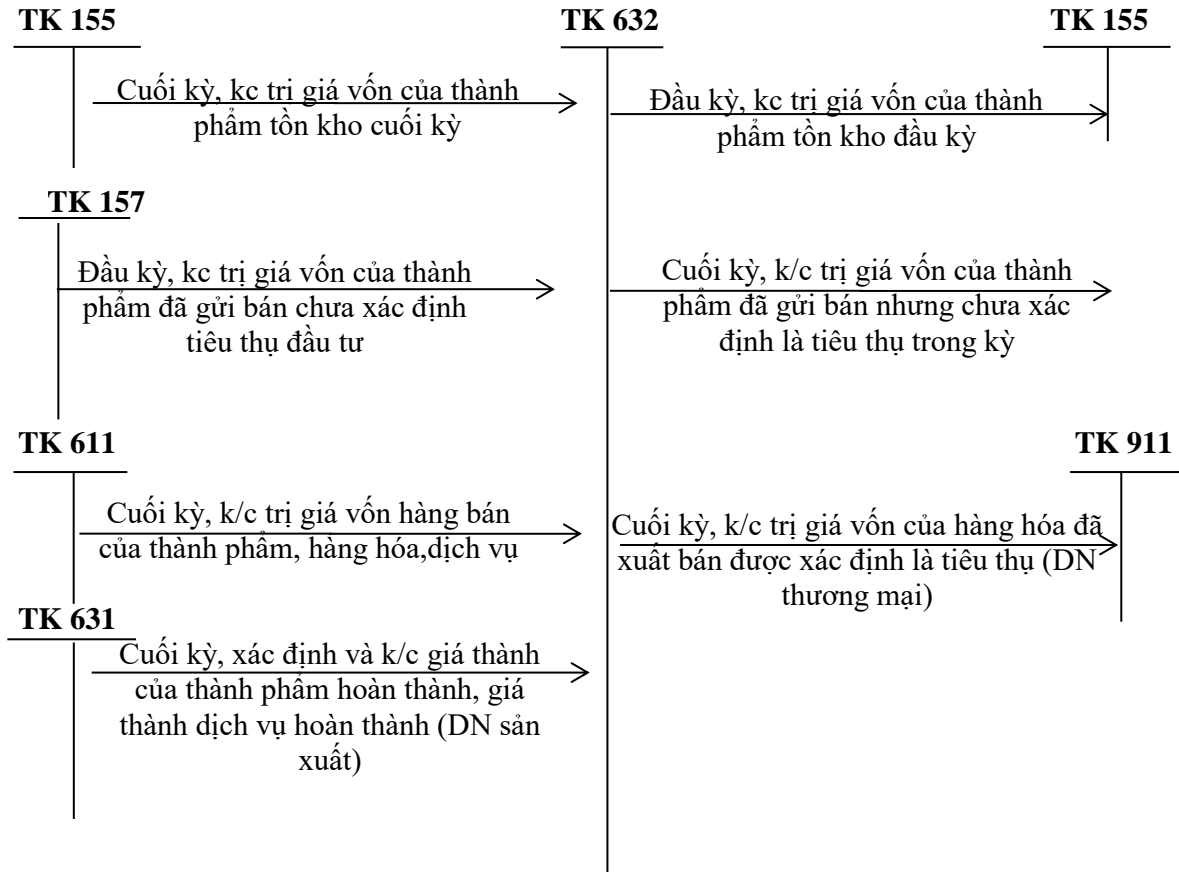
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

- Theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX):



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK):



Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

1.2.3 Nội dung kế toán chi phí quản lý kinh doanh**1.2.3.1 Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng**✚ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh****Các tài khoản cấp 2:**

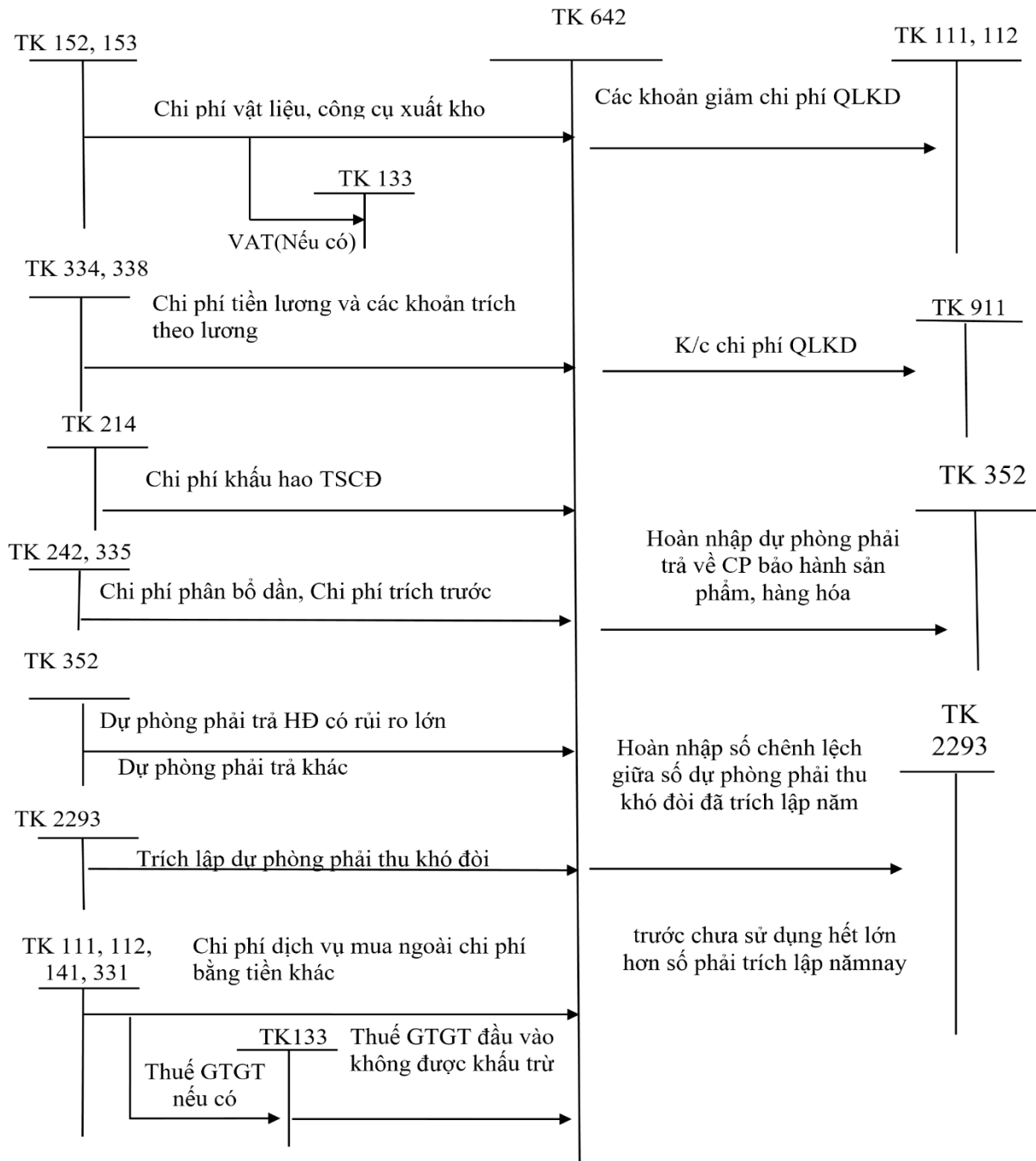
- TK 6421: chi phí bán hàng
- TK 6422: chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu của tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

✚ **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư.

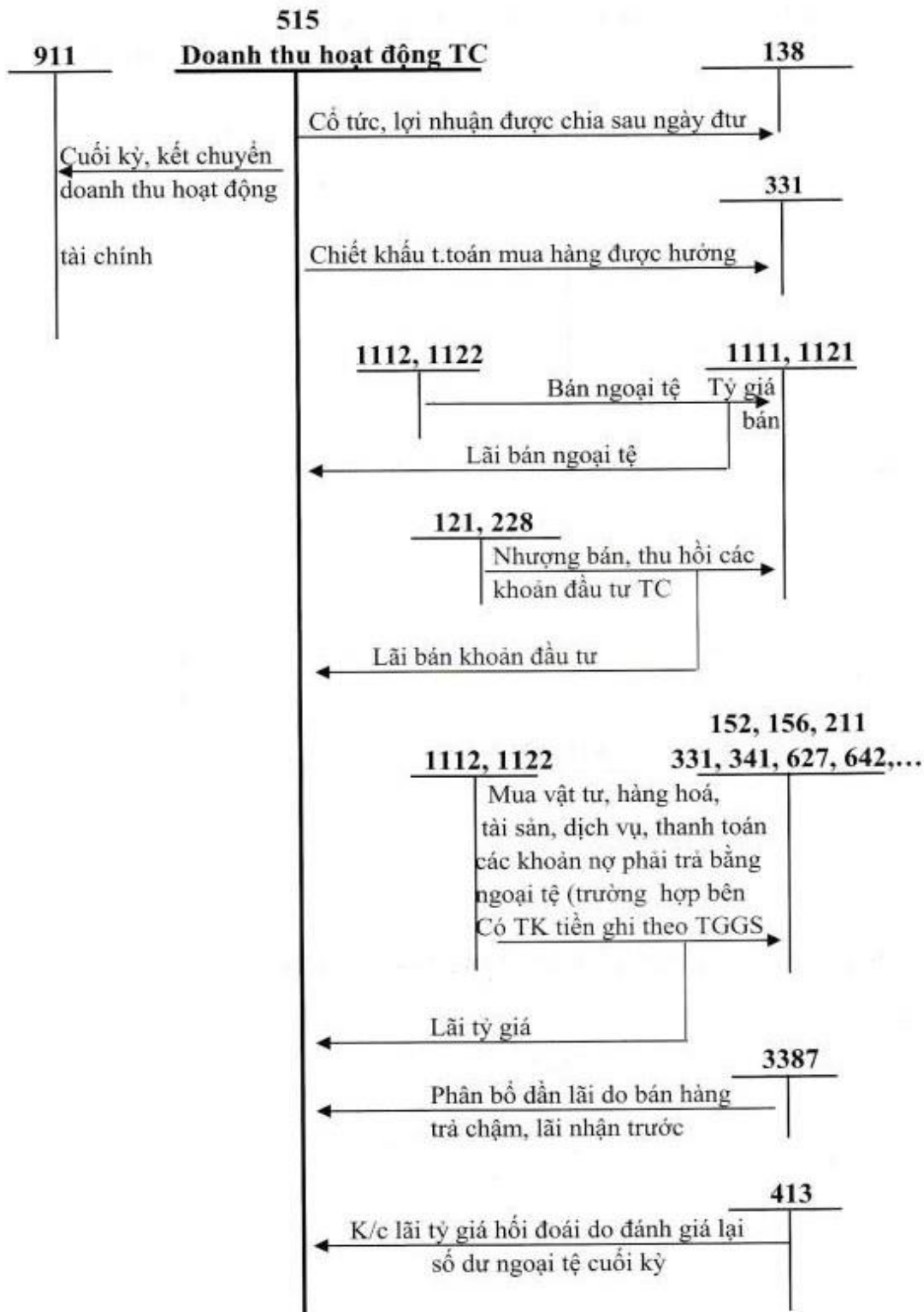
✚ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Kết cấu của tài khoản 635:

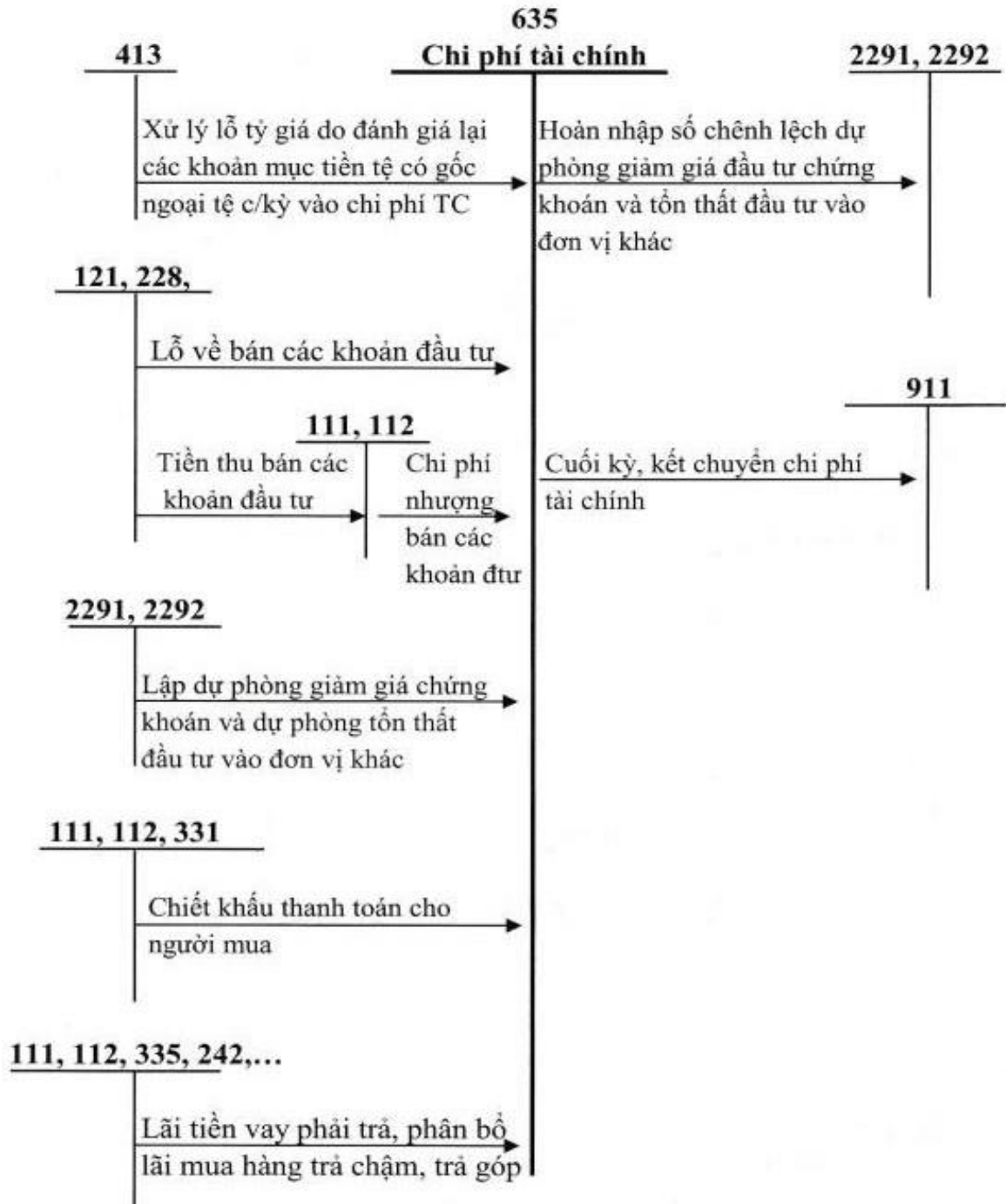
Nợ	TK 635	Có
Gập hợp các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.5 Nội dung kế toán thu nhập khác**1.2.5.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

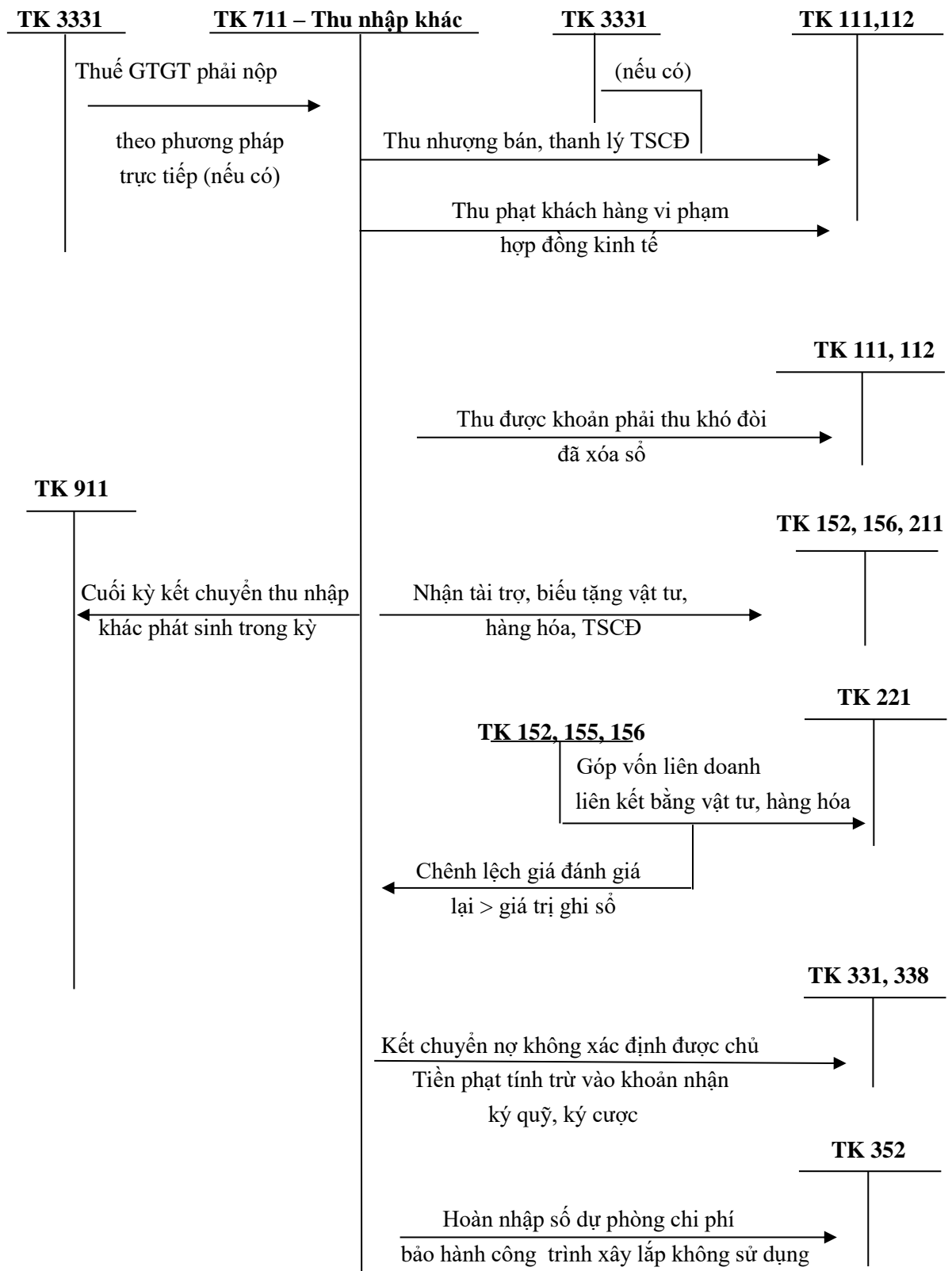
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng**✚ Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.6 Nội dung kế toán chi phí khác**1.2.6.1 Chứng từ sử dụng**

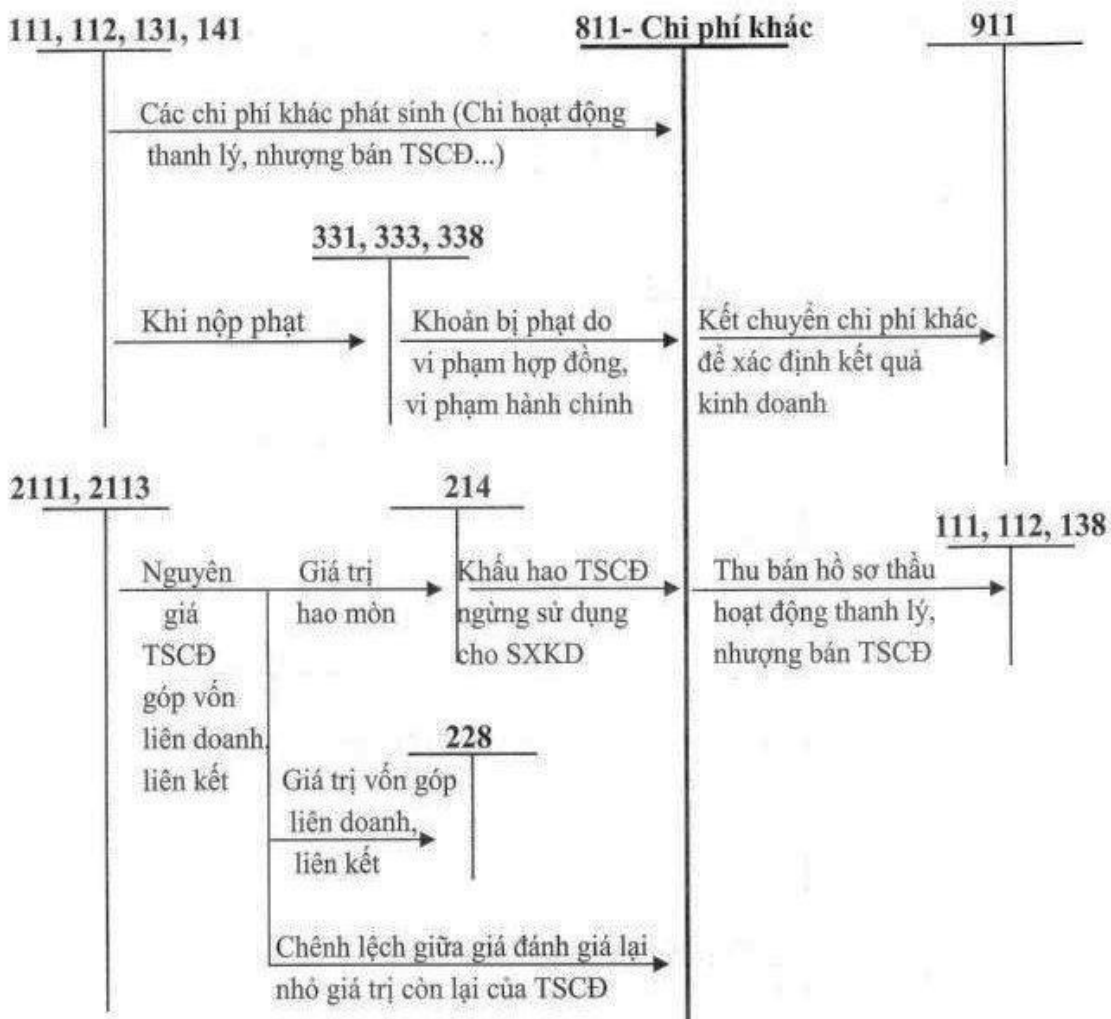
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng**✚ Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

Tài khoản 811 không có số dư.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.7 Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh**1.2.7.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng**✚ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kế toán hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu của tài khoản 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư.

✚ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu của tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư.

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

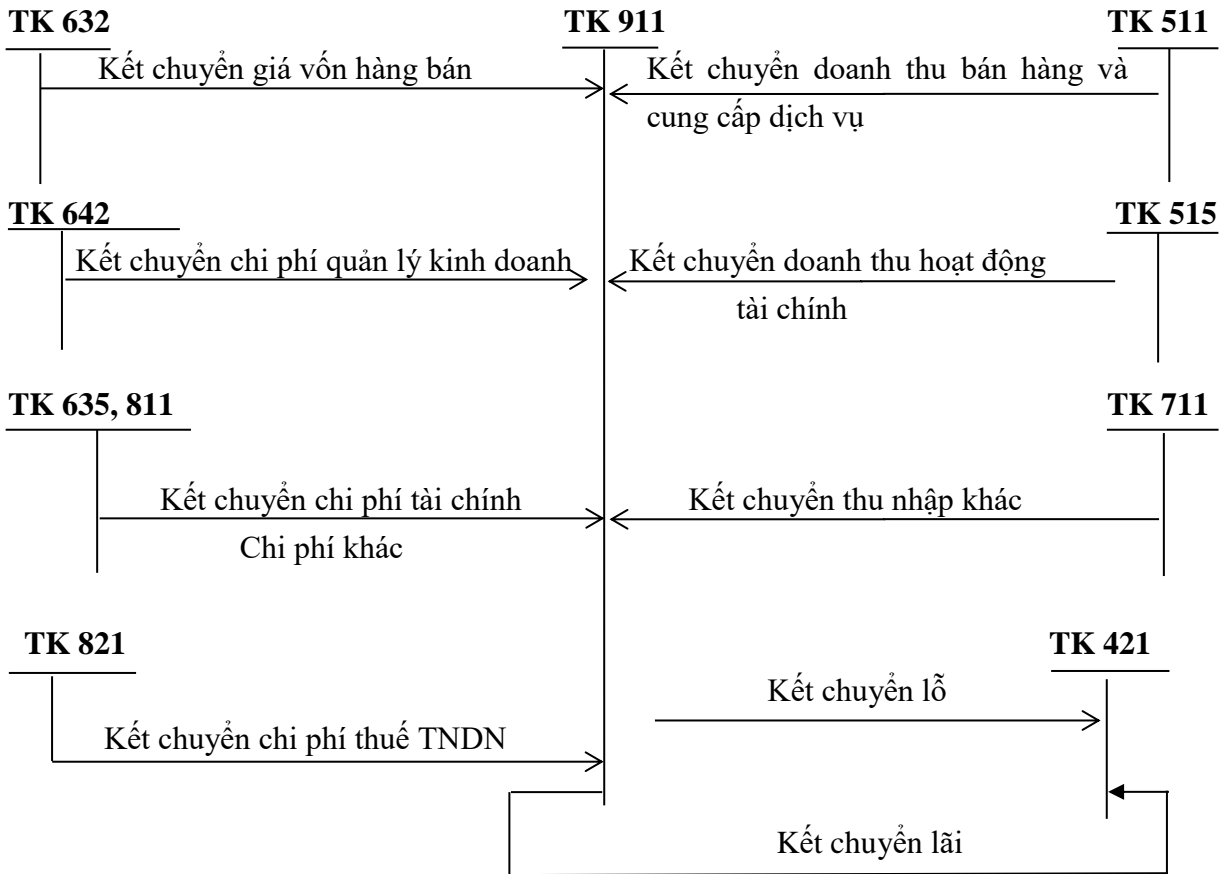
Các tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu của tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 		<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có
<ul style="list-style-type: none"> • <u>SDCK</u> : Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý 		<ul style="list-style-type: none"> • <u>SDCK</u> : Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

1.2.7.3 Phương pháp hạch toán



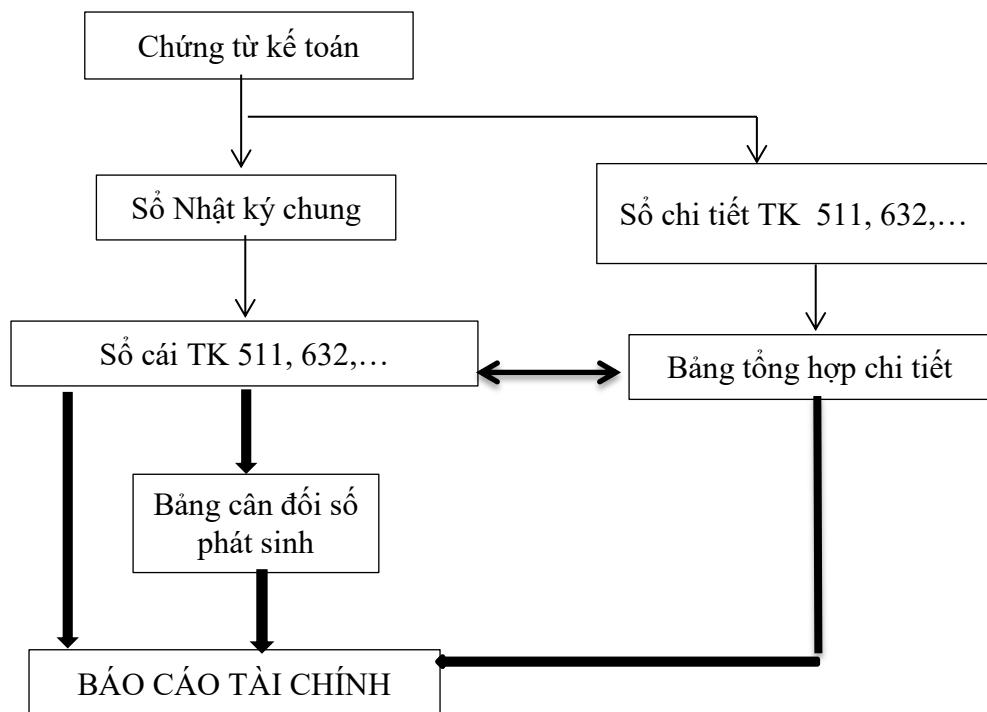
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp

1.3 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo TT 133/2016 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

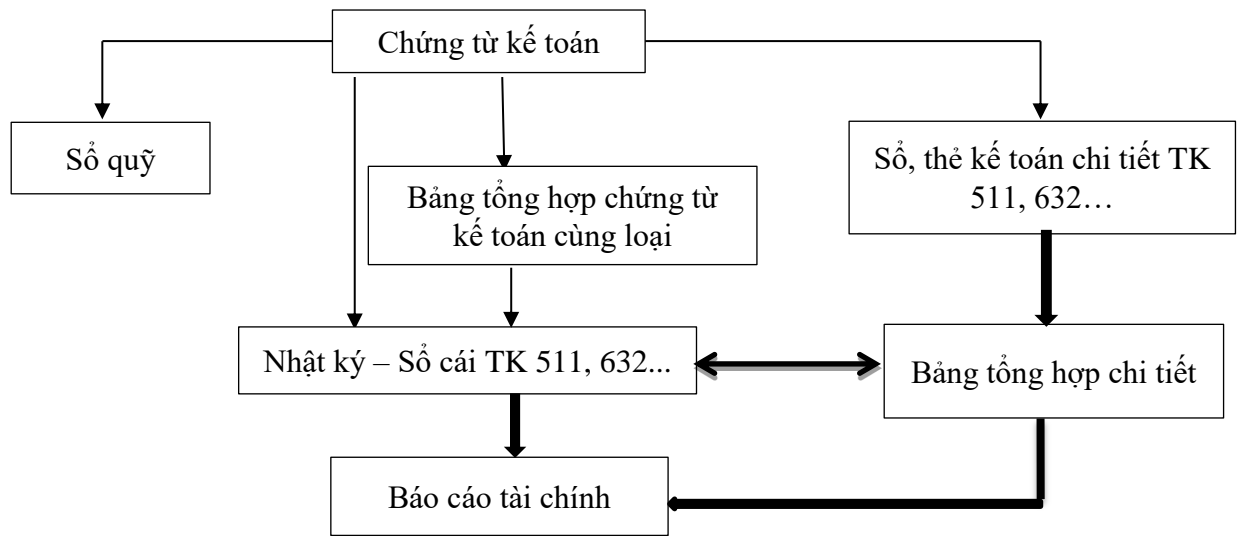
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái



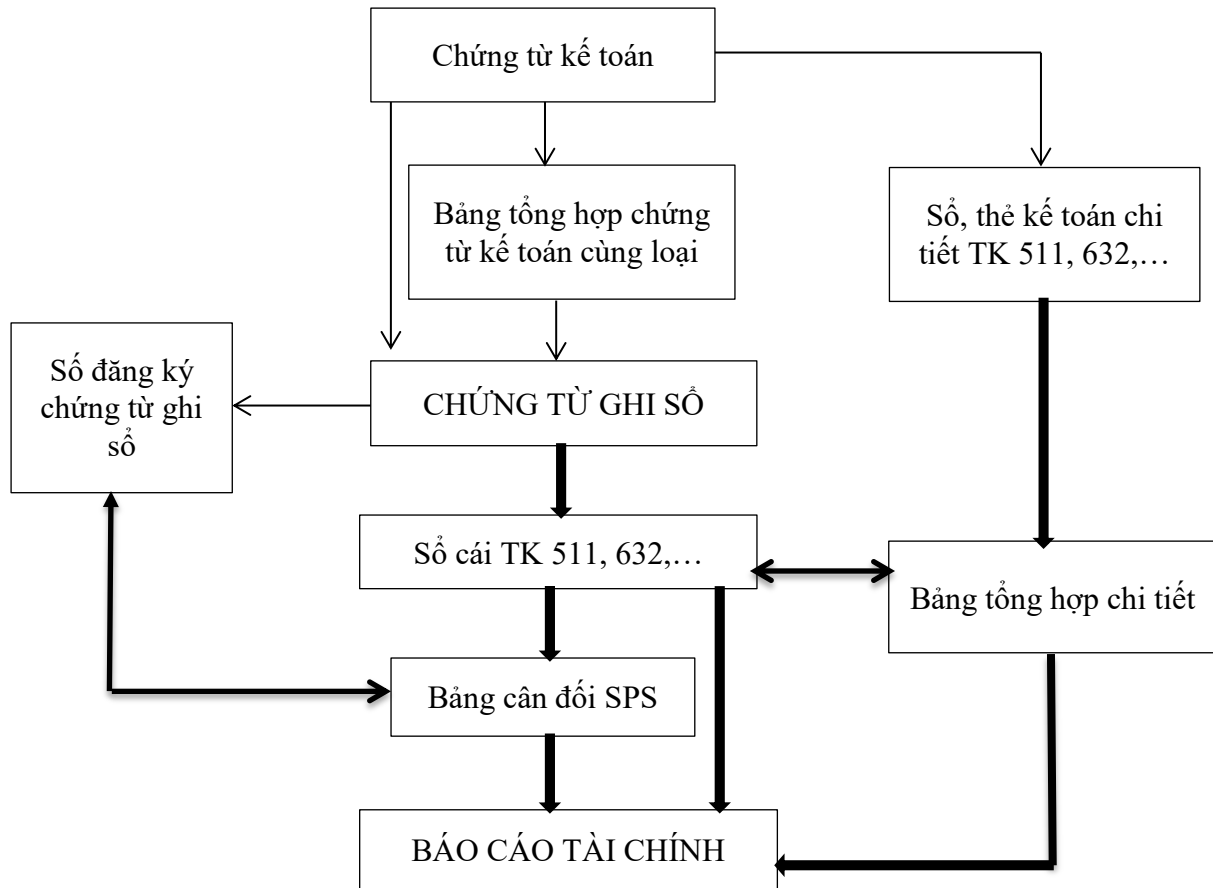
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đôi chiều: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

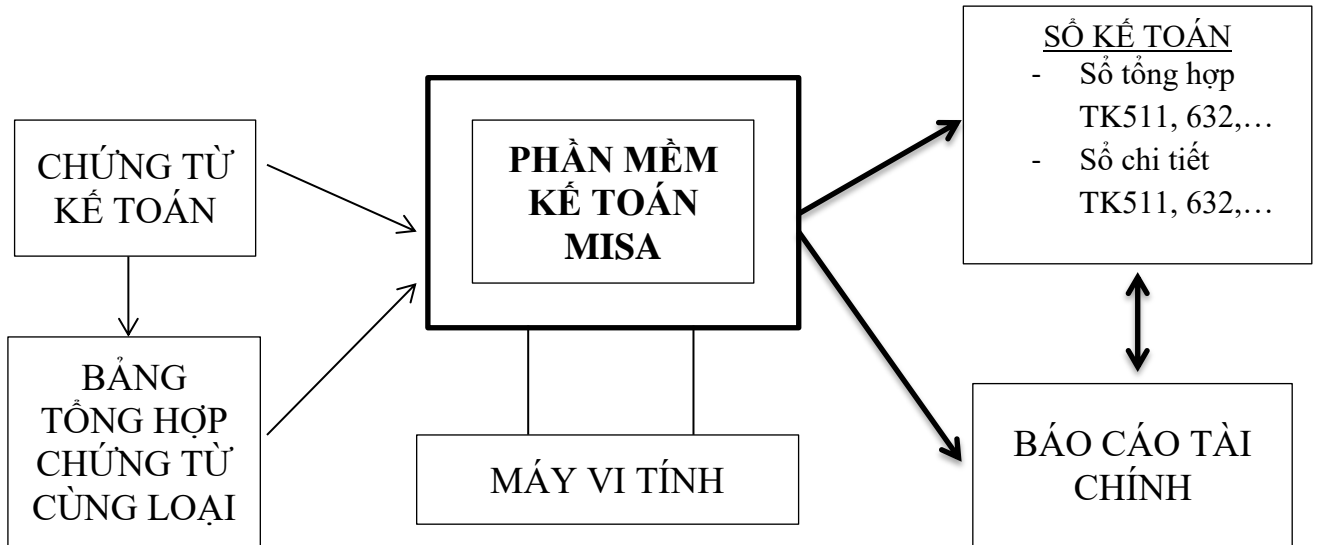
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4 Hình thức kế toán máy

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hàng năm: \longleftarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TRUNG HẬU

2.1 Khái quát chung về công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

2.1.1 *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Du lịch Trung Hậu.*

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201163879 ngày 04 tháng 05 năm 2011 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Một số thông tin cơ bản về công ty :

- Tên công ty: CÔNG TY CP DU LỊCH TRUNG HẬU
- Tên giao dịch: TRUNG HAU TOURIST JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ: Khu II, Phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng
- Mã số thuế: 0201163879 (04/05/2011)
- Người ĐDPL: Hoàng Duy Tuyền
- Ngày hoạt động: 04/05/2011
- Giấy phép kinh doanh: 0201163879

Công ty CP Du lịch Trung Hậu là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của Nhà nước.

Đi vào hoạt động được 8 năm, cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế đất nước, sự hòa nhập trong công cuộc đổi mới, công ty đã không ngừng phát triển đi lên cùng sự phát triển của đất nước và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đồng thời luôn mang lại lợi ích cho người lao động. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, trang thiết bị máy móc hiện đại hơn đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

2.1.2 *Quá trình phát triển*

Đi vào hoạt động từ năm 2011 kinh nghiệm thực tiễn của Ban lãnh đạo cũng như toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty về ngành nghề kinh doanh mới dừng ở bước ban đầu. Song, Công ty đã dần khắc phục khó khăn và không ngừng vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau 9 năm hoạt động, hiện nay Công ty ngày càng khẳng định vị thế vững

vàng của mình trên thương trường. Sản phẩm của Công ty đã chiếm được lòng tin của khách hàng không chỉ vì chất lượng cao, giá thành hợp lý mà Công ty còn mang lại dịch vụ hoàn hảo, vượt trên cả sự mong đợi đối với từng yêu cầu đặc thù của từng khách hàng.

2.1.3 Thuận lợi và khó khăn

- *Thuận lợi*

- Công ty luôn xác định rõ ràng mục tiêu phát triển, phương hướng, nhiệm vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên luôn có định hướng đúng đắn trong quá trình phát triển sản xuất, mở rộng quy mô, ngành nghề...
- Công ty có nhiều biện pháp xúc tiến, thâm nhập, không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sản xuất cũng như dịch vụ.
- Bên cạnh đó, công ty có đội ngũ cán bộ nhiệt tình, dày dặn kinh nghiệm cùng với lực lượng công nhân sản xuất hăng say, tạo nên hiệu quả sản xuất kinh doanh cao và tăng dần qua các năm. Đồng thời công ty luôn có kế hoạch phát triển, bồi dưỡng, đào tạo năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

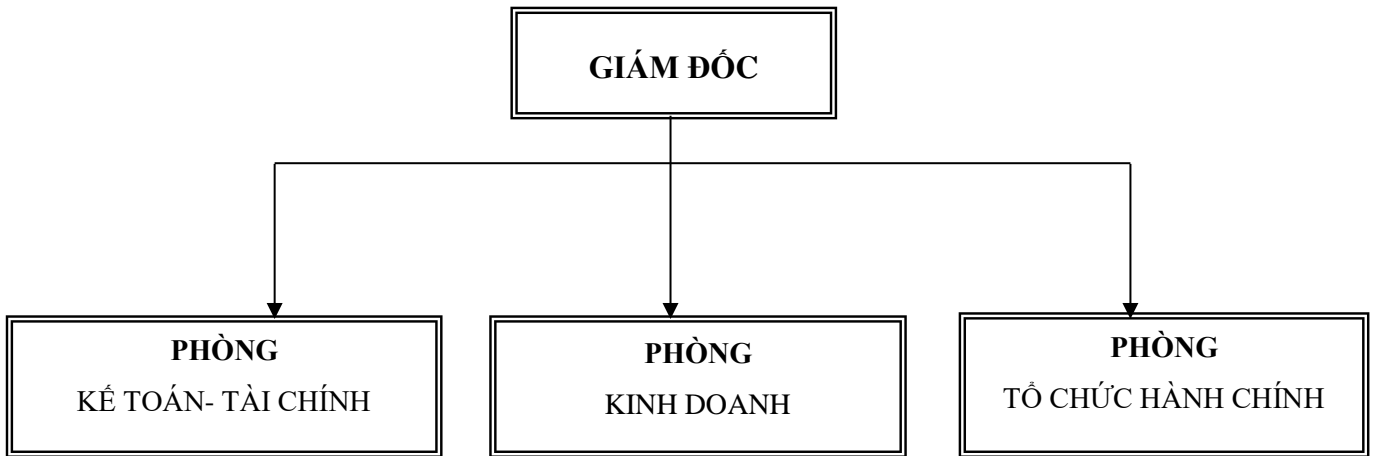
- *Khó khăn*

- Chế độ chính sách nhà nước không ổn định: chính sách thuế, chính sách đầu tư, sự tăng vọt của giá cả thị trường ... làm cho công ty gặp không ít khó khăn trong việc đối mặt với sự biến động trong việc lựa chọn và ra quyết định đầu tư như thế nào cho hợp lý và hiệu quả
- Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi công ty phải đưa ra nhiều biện pháp thu hút, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường...

2.1.4 Lĩnh vực hoạt động của công ty

Công Ty CP Du lịch Trung Hậu chuyên kinh doanh:

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)

2.1.5 Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP du lịch Trung Hậu

*** Giám Đốc:**

- **Chức năng:** Là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Chịu trách nhiệm toàn bộ trước cơ quan pháp luật.
- **Nhiệm vụ:**
 - + Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
 - + Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty.
 - + Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - + Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty.
 - + Ký hợp đồng nhân danh Công ty

*** Phòng kế toán:**

- **Chức năng:** Phản ánh và giám đốc tất cả các hoạt động kinh tế trong toàn công ty. Phòng kế toán tài chính là một phòng giữ vị trí quan trọng trong việc điều hành quản lý kinh tế, thông tin kinh tế trong mọi lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Nhiệm vụ:**
 - + Tổ chức sắp xếp hợp lý, khoa học tập trung các nhân viên thuộc phòng quản lý để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về công tác kế toán tài chính.
 - + Báo cáo với Tổng Giám Đốc về những phát sinh trong tháng một cách kịp thời, chính xác, như doanh thu, chi phí, thuế, ngân hàng, công nợ...
 - + Ghi chép phản ánh số liệu hiện có về tình hình vận động toàn bộ tài sản của công ty. Giám sát việc sử dụng, bảo quản tài sản của công ty, đặc biệt là các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị.
 - + Mở sổ sách theo dõi tài sản, lập hồ sơ chứng từ ghi chép, lập báo cáo theo quy định của nhà nước, lưu giữ chứng từ cẩn thận, gọn gàng.

***Phòng tổ chức hành chính:**

Có chức năng giúp Tổng giám đốc thi đua khen thưởng, kỷ luật, lên danh sách ký hợp đồng cho nhân viên toàn công ty, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo luật lao động và luật Bảo Hiểm Xã Hội hiện hành (chế độ nghỉ việc, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ phép..). Lập các quyết định nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, lệnh điều động nhân viên các mục tiêu, quản lý hồ sơ, danh sách trích ngang toàn công ty.

Phòng kinh doanh:*- Chức năng:**

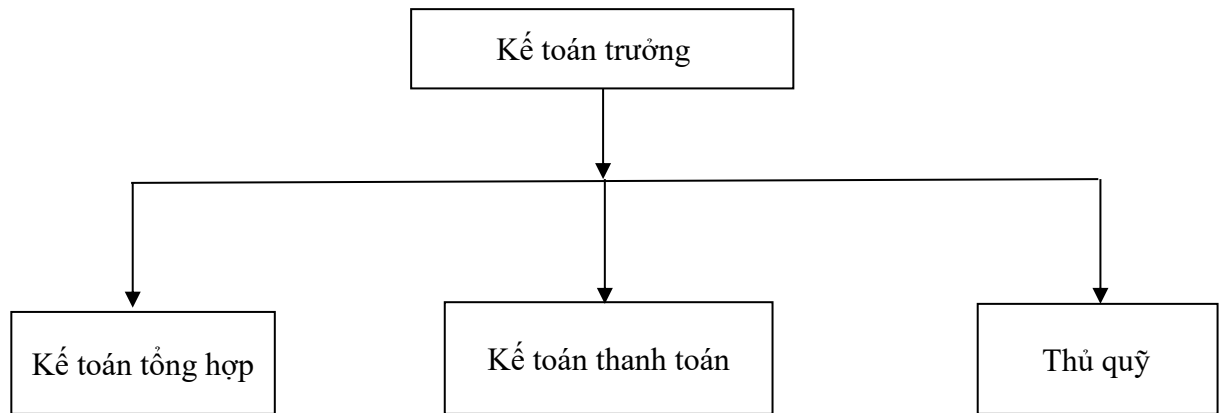
- + Tham gia thay đổi những nội dung qui trình, kế hoạch chất lượng, các hướng dẫn về công tác quản lý chất lượng.

- Nhiệm vụ:

- + Tham mưu , đề xuất các phương án kinh doanh trình lên Tổng Giám Đốc.
- + Nghiên cứu thị trường, định hướng các hoạt động kinh doanh tiếp thị tại các thị trường mục tiêu.
- + Xác định giá dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển thị trường.
- + Thực hiện việc dịch vụ sau bán hàng (chăm sóc khách hàng), tiếp thị.
- + Biết phân biệt khách hàng có tiềm năng và không có tiềm năng.
- + Kết hợp với các phòng ban liên quan xây dựng chất lượng nhân viên

2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.6.1 Cơ cấu bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP du lịch Trung Hậu

+ Kế toán trưởng : chịu trách nhiệm trước cấp trên và giám đốc về mọi mặt hoạt động kinh tế của công ty , có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác kế toán ở đơn vị . Đồng thời cũng có nhiệm vụ quan trọng việc thiết kế phương án tự chủ tài chính , đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của công ty như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí , tăng lợi nhuận của công ty

+ Kế toán tổng hợp : là người ghi chép , tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và tập hợp chi phí, tính giá thành , xác định kết quả lãi lỗ của quá trình kinh doanh đồng thời vào sổ cái lên bảng thống kê tài sản . Ngoài ra còn phải theo dõi tình hình công nợ phải thanh toán với các khách hàng.

+ Kế toán thanh toán : chịu trách nhiệm theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán công nợ với ngân sách nhà nước , với các thành phần kinh tế , các cá nhân cũng như trong nội bộ công ty . Đồng thời thanh toán tiền lương cho công nhân theo chế độ quy định.

+ Thủ quỹ chịu trách nhiệm về công việc có liên quan đến quỹ tiết kiệm, tín dụng thu hồi vốn từ các khoản nợ và cũng là người quản lý giám sát lượng tiền của công ty.

2.1.6.2 Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam
- Áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Tính giá hàng xuất kho và tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

2.1.6.3 Tình hình vận dụng chế độ chứng từ kế toán

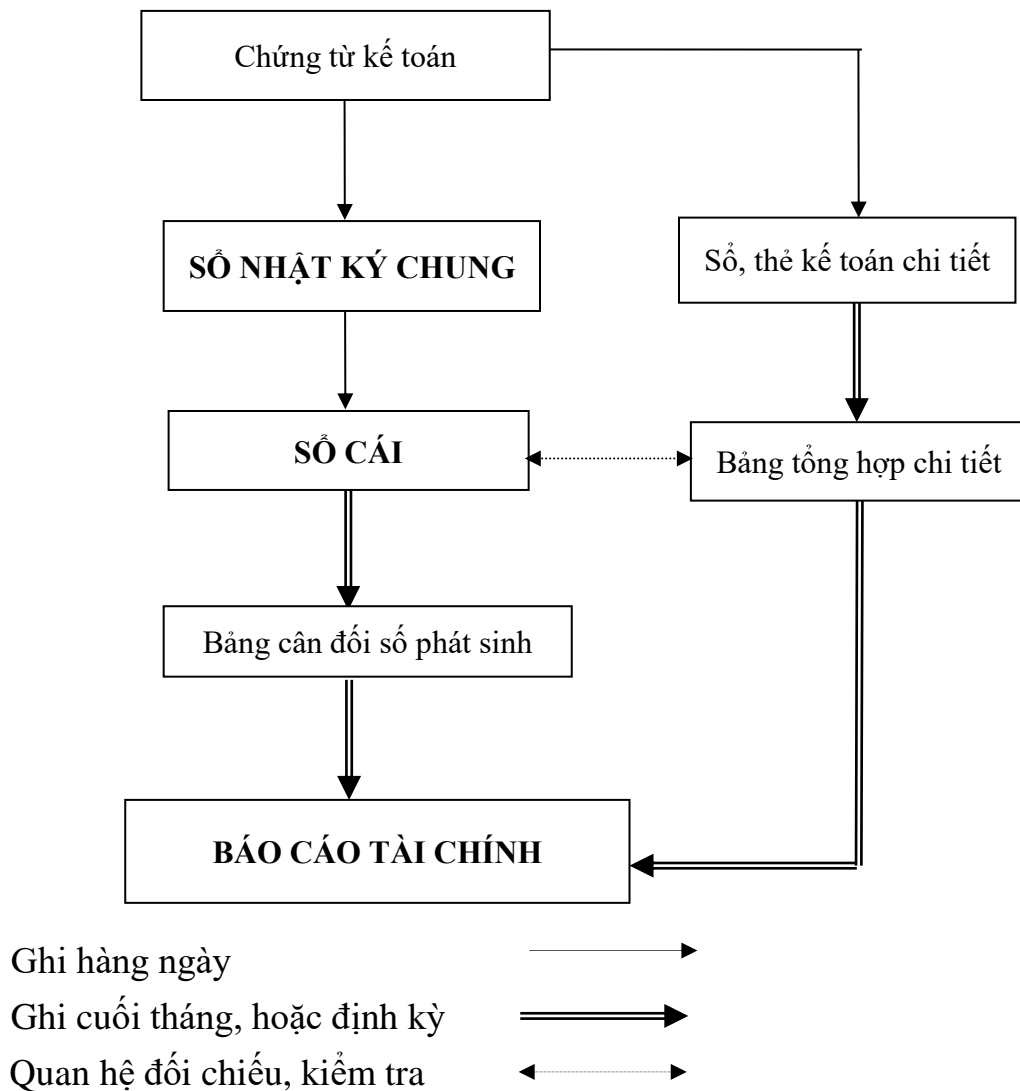
Chứng từ sử dụng trong Công ty hiện nay hầu hết do Bộ Tài chính phát hành.

- Chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, biên bản kiểm kê quỹ, giấy báo nợ, giấy báo có....
- Chứng từ bán hàng: phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, ...
- Chứng từ lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương, bảng trích BHXH, BHYT
- Chứng từ TSCĐ: Sổ TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Sổ tổng hợp: Nhật ký chung và sổ cái các tài khoản
- Chứng từ vay vốn: như Hợp đồng vay vốn, khế ước vay...

2.1.6.4 Hình thức ghi sổ

Để thuận tiện, đơn giản và phản ánh kịp thời đầy đủ khối lượng nghiệp vụ kinh tế của đơn vị, hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép, phản ánh hệ thống hóa nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tài khoản kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán của Công ty CP du lịch Trung Hậu**

- Hàng ngày tập hợp các chứng từ gốc để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào các số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái, đồng thời phải ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan cùng với việc ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung.
- Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh sau khi kiểm tra và đối chiếu khớp đúng với số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty Cổ Phần Du lịch Trung Hậu

2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP du lịch Trung Hậu

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

* Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 511

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Nội dung hạch toán

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2018, phản ánh doanh thu 42 suất ăn uống cho đoàn khách của Công ty TNHH Tuần Tú giá bán 280.000đ/suất, chưa có VAT 10% theo hoá đơn GTGT số 0001701 (biểu 2.1), thu bằng tiền mặt theo phiếu thu số 97/12 (biểu 2.2)

Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT 0001701**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 3: nội bộ)

Ngày 15 tháng 12 năm 2018

Mẫu số:01GTKT3/001

Kí hiệu: AA/17P

Số: **0001701**Đơn vị bán hàng: **Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu**

Mã số thuế: 0201163879

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa khu 2, Phường Vạn Hương, Q. Đồ Sơn -Thành phố

Hải Phòng

Số tài khoản: 012 0084 728 786 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công

Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Hoàng Anh Tuấn

Tên đơn vị: Công ty TNHH Tuấn Tú

Địa chỉ: Số 196 Lý Thánh Tông, phường Ngọc Xuyên, Đồ Sơn, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM

Số TK:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dịch vụ ăn uống	Suất	42	280.000	11.760.000
Cộng tiền hàng					11.760.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.176.000
Tổng cộng tiền thanh toán					12.936.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng

(Kí,ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Kí,ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập,giao nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Biểu số 2.2: Phiếu thu**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu**Mẫu số 01-TT****Bộ phận:**

Quyển số:

Số:97/12

Số: 1111

Số: 5111

Số:3331

PHIẾU THU*Ngày 15 tháng 12 năm 2018*

Họ và tên người nộp tiền: Ông Hoàng Anh Tuấn

Địa chỉ: **CÔNG TY TNHH Tuấn Tú**

Lý do nộp: Thanh toán hóa đơn dịch vụ ăn uống

Số tiền: **12.936.000**

(Viết bằng chữ): Mười hai triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 15 tháng 12 năm 2018.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2018, phản ánh doanh thu 25 suất ăn uống của công ty TNHH Ban Mai, giá bán chưa có VAT 10% là 350.000đ/suất, theo HĐGTGT số 0001711 (Biểu 2.3), thu bằng tiền mặt theo phiếu thu số 115/12 (Biểu 2.4)

Biểu số 2.3: Hoá đơn GTGT 0001711

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
(Liên 3: nội bộ)

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu: AA/17P
Số: **0001711**

Ngày 20 tháng 12 năm 2018

Đơn vị bán hàng: **Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu**

Mã số thuế: 0201163879

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa khu 2, Phường Vạn Hương, Q. Đồ Sơn – TP Hải Phòng

Số tài khoản: 012 0084 728 786 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công

Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Trần Quỳnh Nga

Tên đơn vị: Công ty TNHH Ban Mai

Địa chỉ: Số 36 Sơn Hải, phường Vạn Sơn, Đồ Sơn, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM

Số TK:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dịch vụ ăn uống	Suất	25	350.000	8.750.000
Cộng tiền hàng					8.750.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT

875.000

Tổng cộng tiền thanh toán

9.625.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Biểu số 2.4: Phiếu thu**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu**Mẫu số 01-TT****Bộ phận:****PHIẾU THU***Ngày 20 tháng 12 năm 2018*

Quyển số:

Số:115/12

Nợ: 1111

Có: 5111

Có:3331

Họ và tên người nộp tiền: Bà Trần Quỳnh Nga

Địa chỉ: **CÔNG TY TNHH Ban Mai**

Lý do nộp: Thanh toán hóa đơn dịch vụ ăn uống (tiếp khách)

Số tiền: **9.625.000**

(Viết bằng chữ): Chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: 1 Chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Ví dụ 3: Căn cứ bảng kê bán lẻ xuất ăn uống trong ngày 21/12 (Biểu 2.5), kế toán viết hoá đơn GTGT số 0001715 (Biểu 2.6) và phiếu thu số 121/12 đã thu tiền nhập quỹ (Biểu 2.7)

Biểu 2.5: Trích bảng kê khách lẻ

Trích bảng kê khách lẻ ngày 21/12

STT	Nội dung	Số tiền (cả VAT 10%)
1	Khách ăn bàn số 1	700.000
2.	Khách ăn bàn số 2	1.600.000
3.	Khách ăn bàn số 3	800.000
4.	Khách ăn bàn số 4	500.000
	
	Cộng khách lẻ cuối ngày	28.820.000

Ngày 21/12/2018

Người lập

Nguyễn Thị Huệ

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Biểu số 2.6: Hoá đơn GTGT 0001715**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 3: nội bộ)

Ngày 21 tháng 12 năm 2018

Mẫu số:01GTKT3/001

Kí hiệu: AA/17P

Số: **0001715**Đơn vị bán hàng: **Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu**

Mã số thuế: 00201163879

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa khu 2, Phường Vạn Hương, Q. Đồ Sơn -Thành phố Hải Phòng

Số tài khoản: 012 0084 728 786 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Khách lẻ

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: TM

Số TK:

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	khách lẻ có bảng kê đính kèm				26.200.000
Cộng tiền hàng					26.200.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 2.620.000

Tổng cộng tiền thanh toán 28.820.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Biểu số 2.7: Phiếu thu**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu**Mẫu số 01-TT****Bộ phận:**

Quyển số:

Số:121/12

Nợ: 1111

Có: 5111

Có:3331

PHIẾU THU*Ngày 21 tháng 12 năm 2018*

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ: Bộ phận thu ngân

Lý do nộp: Tiền thu khách lẻ

Số tiền: **28.820.000 đồng**

(Viết bằng chữ): Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn./

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Căn cứ vào HĐ GTGT 0001701(Biểu 2.1), phiếu thu số 97/12(Biểu 2.2), HĐ GTGT 0001711 (Biểu 2.3), phiếu thu số 115/12(Biểu 2.4), HĐ GTGT 0001715 (Biểu 2.6), phiếu thu số 121/12(Biểu 2.7)... Kế toán ghi nhận bút toán vào Nhật kí chung (Biểu 2.8)

Biểu 2.8 : Nhật kí chung**Mẫu S03a-DNN**

Công Ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn - Hải Phòng

BTC ngày 26/08/2016 của BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm:2018

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
15/12/18	HĐ 0001701, PT97	15/12/18	Dịch vụ ăn uống	111	12.936.000	
				511		11.760.000
				3331		1.176.000
...
20/12/18	HĐ 0001711, PT115	20/12/18	Dịch vụ ăn uống	111	9.625.000	
				511		8.750.000
				3331		875.000
					
21/12/18	HĐ 0001715, PT121	21/12/18	Dịch vụ ăn uống	111	28.820.000	
				511		26.200.000
				3331		2.620.000
					
			Cộng số phát sinh năm		21.239.263.823	21.239.263.823

Người lập biểu
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Căn cứ vào Nhật ký chung (biểu 2.8), kế toán ghi vào sổ cái TK 511 như biểu 2.9

Biểu 2.9: Sổ cái

Mẫu số: S03-DNN

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu
Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng

Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của BTC

TRÍCH SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2018

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ		-	-
					
15/12/18	HĐ1701, PT 97	15/12/18	Phản ánh doanh thu dịch vụ ăn uống	111		11.760.000
					
20/12/18	HĐ1711, PT 115	20/12/18	Phản ánh doanh thu dịch vụ ăn uống	111		8.750.000
					
21/12/18	HĐ 1715, PT 121	21/12/18	Phản ánh doanh thu dịch vụ ăn uống	111		28.820.000
					
			- Cộng số phát sinh		4.673.682.710	4.673.682.710
			- Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác

*** Tài khoản sử dụng**

TK 632 – Giá vốn hàng bán

***Sổ sách sử dụng**

- Nhật kí chung
- Sổ cái TK 632

***Nội dung hoạch toán**

Ví dụ: Ngày 31/12/2018 căn cứ vào kết quả tập hợp chi phí nguyên vật liệu phục vụ ăn uống trong tháng 12 như : mực, cá, tôm, kế toán lập phiếu kế toán số 30 (Biểu 2.10) kết chuyển giá vốn tháng 12

Biểu 2.10 Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 30

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn T12	632	154	251.130.000
	Cộng			251.130.000

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

- Căn cứ vào Phiếu kế toán số 30 (Biểu 2.10) kế toán nhập sổ Nhật kí chung (Biểu 2.11)

Biểu 2.11: Nhật kí chung

Công Ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu
Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương,
Đồ Sơn, Hải Phòng

Mẫu S03-DNN

Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ Tài
Chính

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm:2018

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
					
15/12/2018	HĐ 0001701, PT 97	15/12/18	Dịch vụ ăn uống	111	12.936.000	
				511		11.760.000
				3331		1.176.000
					
20/12/2018	HĐ 0001711, PT 115	20/12/18	Dịch vụ ăn uống	111	9.625.000	
				511		8.750.000
				3331		875.000
...
30/12/2018	PKT 30	31/12/2018	Giá vốn hàng bán T12	632	251.130.000	
				154		251.130.000
...
			Cộng số phát sinh		21.239.263.823	21.239.263.823

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

- Căn cứ vào Sổ nhật kí chung (Biểu số 2.11) kế toán ghi sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.12)

Biểu 2.12 Sổ cái tài khoản 632

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu
Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn,
Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016
của BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

NĂM 2018

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán – TK 632

Ngày 31/12/2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		-	-
					
31/12/18	PKT30	31/12/18	Ghi nhận giá vốn tháng 12	154	251.130.000	
			...			
			Cộng số phát sinh năm		3.813.560.929	3.813.560.929
			Số dư cuối năm		-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

2.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ...
- Bảng tính và bảng phân bổ
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh



*** Sổ sách sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642

*** Nội dung hạch toán**

Ví dụ 1: Ngày 28/12/2018 Kế toán thanh toán tiền điện thoại của văn phòng cho công ty Viễn thông số HĐGTGT 1002039 (Biểu 2.13)

Biểu 2.13. Hoá đơn tiền điện thoại

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Mẫu số:01GTKT2/001																	
1001410		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu(Serial No):AA/15P															
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)		Số (No): 1002039																	
Mã số thuế:		<table border="1"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	0	2	8	7	9	7	7						
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7										
Viễn thông Hải Phòng 03036537042018																			
Địa chỉ: 117 Lý Thánh Tông, Vạn Sơn, Đồ Sơn, Hải Phòng																			
Tên khách hàng(Customer's name):Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu																			
Địa chỉ(Address): Đường Vạn Hoa khu 2, phường Vạn Hương, Quận Đồ Sơn – Thành phố Hải Phòng																			
Số điện thoại(Tel):0313.591.464		Mã số (code): HPG-03-036537(T5DHA3)																	
Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM		MST:		<table border="1"> <tr> <td>0</td><td>8</td><td>0</td><td>0</td><td>8</td><td>1</td><td>9</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	8	0	0	8	1	9	0	0	6				
0	8	0	0	8	1	9	0	0	6										
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG(QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN(AMOUNT) VND														
1	2	3	4	5	6=4x5														
	Kỳ cước tháng:11/2018 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				1.664.250 0 0 0														
(a+b+c+d)		Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):			1.664.250														
Thuế suất GTGT (VAT rate):10% x(1)=		Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):			166.425														
(1+2+e)		Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):			1.830.675														
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu , tám trăm ba mươi nghìn , sáu trăm bảy mươi năm đồng.																			
Người nộp tiền ký(Signature of payer)			Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing staff)																

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT (tiền điện thoại) số 1002039 (Biểu 2.13) kế toán lập phiếu chi số 102/12(Biểu 2.14) để thanh toán tiền cho đơn vị

Biểu 2.14: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Mẫu số 02-TT

Bộ phận:

(Ban hành theo TT số: 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 12 năm 2018

Quyển số:

Số: 102/12

Nợ: TK 642,133

Có: TK 1111

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Hoà

Địa chỉ: Công ty Viễn thông VNPT Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền internet, điện thoại văn phòng.

Số tiền: **1.830.675**

(Viết bằng chữ): Một triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi lăm./

Kèm theo:01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2018 Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu trích khấu hao TSCĐ tháng 12

Biểu 2.15 Khấu hao TSCĐ

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn- Hải Phòng

KHẤU HAO TSCĐ

THÁNG 12

Ngày 31/12/2018

STT	Chỉ tiêu	Thời hạn sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK 642	TK 154
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích năm trước trước	10	2.850.300.000	23.752.500	23.752.500	15.107.900
2	Số khấu hao tăng năm này		-	-		
3	Số khấu hao giảm năm này		-	-		
4	Tổng số khấu hao năm này	10	2.850.300.000	23.752.500	23.752.500	15.107.900

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT (tiền điện thoại) số 1002039 (Biểu 2.13), Phiếu chi số (Biểu 2.14), bảng khấu hao TSCĐ (Biểu 2.15) kế toán ghi Nhật kí chung (Biểu 2.16)

Biểu 2.16 Nhật kí chung

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Mẫu số S03a – DN (Ban hành theo
TT133/2016 BTC)

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-
Hải Phòng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm:2018

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
28/12/18	HĐ1002039, PC 102	28/12/18	Thanh toán tiền điện thoại	642	1.664.250	
				1331	166.425	
				111		1.830.675
...
28/12/18	BPB KH T12	28/12/18	Trích KH TSCĐ	642	23.752.500	
				154	15.107.900	
				214		38.860.400
					
			Cộng số phát sinh		<u>21.239.263.823</u>	<u>21.239.263.823</u>

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Căn cứ vào Nhật kí chung (Biểu 2.16) kế toán ghi sổ cái tài khoản 642 (biểu 2.17)

Biểu 2.17: Sổ cái tài khoản 642

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Mẫu số S03a – DN (Ban

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-
Hải Phòng

hành theo TT133/2016 BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

NĂM 2018

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh – TK 642 Ngày 31/12/2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
31/12/18	HĐGTGT 1002039	31/12/18	Thanh toán hoá đơn tiền điện thoại	111	1.830.675	
			...			
					
31/12/18	BPB KH T12	31/12/18	Khấu hao TSCĐ	214	38.860.400	
					
			Cộng số phát sinh năm		684.236.254	684.236.254
			Số dư cuối năm		-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có, giấy báo nợ
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan
 - Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật kí chung
 - Sổ cái TK 515,635
- + Tài khoản sử dụng:
- TK 515: Doanh thu tài chính
 - TK 635: Chi phí tài chính

Ví dụ minh họa

VD1: Ngày 31/12/2018, công ty nhận thông báo lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12 tại ngân hàng Công thương Việt Nam là 11.733 đồng

Biểu số 2.18: Giấy báo lãi

Ngân hàng Công thương Việt Nam

GIẤY BÁO LÃI

Số 1074

(Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 31/12/2018)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Chúng tôi đã tính tiền lãi đến cuối ngày 31/12/2018

Tài khoản số: 0120084728786 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất (% năm) . Số tiền lãi: 11.733 VND

Ngân hàng Công thương Việt Nam

Kính báo.

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Biểu 2.19: Nhật kí chung**Mẫu S03-DNN**

Công Ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Đường Vạn Hoa, khu 2, p.Vạn Hương, Đồ Sơn-Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm:2018**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
31/12/18	GBL 1074	31/12/18	Lãi tiền gửi ngân hàng	112	11.733	
				515		11.733
...
			Cộng số phát sinh		21.239.263.823	21.239.263.823

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)*

- Căn cứ vào nhật kí chung (Biểu 2.19) , kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (Biểu 2.20)

Biểu 2.20 Trích sổ cái

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Mẫu số: S03b-DNN

Đường Vạn Hoa khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-
Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

NĂM 2018

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính -TK515

Ngày 31/12/2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
31/12	GBL 1074	31/12	Ngân hàng đầu tư trả lãi tiền gửi	112		11.733
			...			
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang kết quả SXKD	911	140.805	
					
			Cộng số phát sinh năm		140.805	140.805
			Số dư cuối năm		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung

2.2.4 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK 711 và 811

2.2.5 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2018:

- Doanh thu thuần = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu

$$= 4.673.682.710 - 0$$

$$= 4.673.682.710$$
- Lãi gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

$$= 4.673.682.710 - 3.813.560.929$$

$$= 860.121.781$$
- Lợi nhuận thuần = Lãi gộp + (Doanh thu tài chính – Chi phí tài chính) – Chi phí quản lý kinh doanh

$$= 860.121.781 + (140.805 - 0) - 684.236.254$$

$$= 176.026.332$$
- Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần + Thu nhập khác – Chi phí khác

$$= 176.026.332 + 0 - 0$$

$$= 176.026.332$$
- Chi phí thuế TNDN = Lợi nhuận kế toán trước thuế × Thuế suất thuế TNDN

$$= 176.026.332 \times 20\%$$

$$= 35.205.266$$
- Lợi nhuận kế toán sau thuế = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

$$= 176.026.332 - 35.205.266$$

$$= 140.821.066$$

- Căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của sổ cái TK 511 (Biểu 2.9) , TK 515 (Biểu 2.20), kế toán xác định số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 40 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập (Biểu 2.21).

Biểu 2.21: Phiếu kế toán**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 40

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	4.673.682.710
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	140.805
	Cộng			4.673.823.515

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

- Căn cứ vào số liệu trên dòng cộng của số cái TK632 (Biểu 2.12), TK642 (Biểu 2.17) kế toán tiến hành bù trừ hai bên Nợ - Có để tìm số tiền cần kết chuyển rồi tiến hành lập phiếu kế toán số 41 phản ánh việc kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh (biểu 2.22).

Biểu 2.22 Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 41

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.813.560.929
2	K/c Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	684.236.254
	Cộng			4.497.797.183

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

Biểu 2.23: Phiếu kế toán**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 42

Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	35.205.266
Cộng			35.205.266

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 42 (Biểu 2.23) kế toán lập phiếu kế toán số 43 (Biểu 2.24)

Biểu 2.24: Phiếu kế toán**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 43

Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2018	911	821	35.205.266
Cộng			35.205.266

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

- Căn cứ vào phiếu kế toán số 43 (Biểu 2.24) kế toán lập phiếu kế toán 44 (Biểu 2.25).

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 44

Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	911	421	140.821.066
Cộng			140.821.066

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)

- Căn cứ vào Phiếu kế toán số 40 (Biểu 2.21), Phiếu kế toán số 41 (Biểu 2.22), Phiếu kế toán số 42 (Biểu 2.23), số 43 (Biểu 2.24), số 44 (Biểu 2.25) kế toán lập sổ Nhật ký chung (Biểu 2.26), Sổ Cái TK 911 (Biểu 2.27), Sổ Cái TK 821 (Biểu 2.28), Sổ Cái TK 421 (Biểu 2.29)

Biểu 2.26: Nhật kí chung**Mẫu S03-DNN**

Công Ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu
Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn-Hải Phòng

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm:2018**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
31/12/2018	PKT40	31/12/2018	Kết chuyển doanh thu	511	4.673.682.710	
				515	140.805	
				911		4.673.823.515
31/12/2018	PKT41	31/12/2018	Kết chuyển chi phí	632	3.813.560.929	
				642	684.236.254	
				911		4.497.797.183
31/12/2018	PKT42	31/12/2018	Xác định thuế TNDN	821	35.205.266	
				3334		35.205.266
31/12/2018	PKT43	31/12/2018	Kết chuyển CP thuế TNDN	821		35.205.266
				911	35.205.266	
31/12/2018	PKT44	31/12/2018	Kết chuyển lãi	421		140.821.066
				911	140.821.066	
...
			Cộng số phát sinh		21.239.263.823	21.239.263.823

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)*

Biểu 2.27: Sổ cái**Mẫu số: S03b-DNN**

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

ính theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016

Đường Vạn Hoa, khu 2, p.Vạn Hương, Đồ Sơn-HP

của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2018****Tài khoản: TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12/2018	PKT 40	31/12/2018	Kết chuyển doanh thu	511		4.673.682.710
				515		140.805
31/12/2018	PKT 41	31/12/2018	Kết chuyển chi phí	632	3.813.560.929	
				642	684.236.254	
31/12/2018	PKT 42	31/12/2018	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2018	821	35.205.266	
					
31/12/2018	PKT 44	31/12/2018	Kết chuyển lợi nhuận năm 2018	421	140.821.066	
			- Cộng số phát sinh		4.673.823.515	4.673.823.515
			- Số dư cuối năm			

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)*

Biểu 2.28: Sổ cái

Mẫu số: S03b-DNN

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016

Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải

của Bộ trưởng BTC)

Phòng

TRÍCH SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2018****Tài khoản: TK 821 – Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm		-	-
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12/2018	PKT 42	31/12/2018	Thuế TNDN phải nộp năm 2018	3334	35.205.266	
31/12/2018	PKT 43	31/12/2018	Kết chuyển chi phí hiện hành sang KQSXKD năm 2018	911		35.205.266
			- Cộng số phát sinh		35.205.266	35.205.266
			- Số dư cuối năm			

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)*

Biểu 2.29 : Sổ cái**Mẫu số: S03b-DNN**

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu
Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn- Hải
Phòng

ành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016
của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2018****Tài khoản: TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			186.234.554
			- Số phát sinh trong kỳ			
					
31/12/2018	PKT 44	31/12/2018	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018	911		140.821.066
			-Cộng số phát sinh		152.562.877	140.821.066
			-Số dư cuối năm			174.492.743

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu)*

- Căn cứ vào Sổ cái TK 911 (Biểu 2.27), Sổ cái TK 821 (Biểu 2.28), Sổ cái TK 421 (Biểu 2.29) kế toán lập bảng lập bảng báo cáo kết quả kinh doanh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ tài chính năm 2018

Mã số thuế: **0201163879**

Người nộp thuế: **CÔNG TY Cổ phần Du lịch Trung Hậu**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.673.682.710	3.474.121.093
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.673.682.710	3.474.121.093
4	Giá vốn hàng bán	11		3.813.560.929	2.823.922.371
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		860.121.781	650.198.722
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		140.805	281.610
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		684.236.254	547.744.079
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		176.026.332	102.736.253
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	176.026.332	102.736.253
14	Chi phí thuế TNDN	51		35.205.266	20.547.250
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		140.821.066	82.189.003

Người ký: Nguyễn Thị Hà

Ngày ký: 28/02/2019

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TRUNG HẬU****3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu****3.1.1 Ưu điểm**

Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu được thành lập 9 năm, ngay từ ngày thành lập công ty đã từng bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt. Trong lịch sử phát triển của mình, Công ty đã đạt được những thành công to lớn, song cũng gặp không ít những khó khăn, nhất là nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường. Trong quá trình ấy, Công ty đã chủ động đề ra những giải pháp về mặt kinh tế, kỹ thuật có hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn, hoà nhập vào nền kinh tế của thị trường. Nhờ vậy những năm trở lại đây, Công ty đã đạt được nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, hình thức gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban Giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện một cách trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác. Từ đó, Ban Giám đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp đúng đắn trong kỳ kinh doanh tiếp theo.

+ Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Nhờ đó, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

+ Nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, Ban Giám đốc cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung cấp... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo

điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Đặc điểm Công ty thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ thì hình thức này rất phù hợp.

- Về hệ thống chứng từ của công ty: Chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.

- Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề luôn được nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ Báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 133/2016/TT – BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn tồn tại một số hạn chế như sau:

- **Về chính sách áp dụng trong bán hàng:**

Công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- **Về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:**

Công ty chưa tiến hành lập Sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng. Làm cho công ty không theo dõi được cụ thể chi tiết doanh thu của từng mặt hàng. Do đó, không xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Vì vậy không có cơ sở để lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu.

- **Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Hiện tại công tác kế toán tại đơn vị được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn và thiếu sót.

Trong thời kỳ công nghệ thông tin hiện nay ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Du lịch Trung Hậu chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh không phát huy hiệu quả.

3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Mục đích của các doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao nên việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một trong những nội dung cần làm

để đạt được mục tiêu này của doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các phần mềm kế toán mới nhất, các thông tư mới nhất... phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc, chấp hành pháp luật mà còn có vai trò qua trọng trong công tác quản lý chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Cơ sở để hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như:

- + Đảm bảo tuân thủ thống nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành
- + Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn.
- + Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung.

3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

3.4.1 Kiến nghị 1: Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng và chi phí

- **Lý do kiến nghị:** Kế toán tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu chưa mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng

- **Mục tiêu của giải pháp:** Công tác kế toán quản lý được chi tiết, cụ thể từng mặt hàng doanh thu, từng chi phí sản xuất kinh doanh thì công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu sẽ quản lý được tốt hơn, đầy đủ hơn doanh thu, chi phí, hạn chế việc nhầm lẫn, sai sót gây ảnh hưởng đến việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty chưa thực sự chuẩn xác

- Cách thức tiến hành

Để phục vụ cho công tác hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh công ty nên:

+ Lập sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm.

+ Ban lãnh đạo công ty sẽ nắm bắt mặt hàng nào sẽ nắm bắt được cơ cấu mặt hàng, nắm bắt được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận gộp cao nhất. Công ty biết được mặt hàng nào đem lại lợi nhuận cao để từ đó đẩy mạnh

Em xin đưa ra mẫu Sổ chi tiết doanh thu bán hàng như sau:

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:....

Mẫu số S16-DNN

Địa chỉ:....

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):...

Tháng:.....

Quyển số:.....

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát Sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng Bán						
			Lãi gộp						

- Sổ này có ...trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:.....

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)**SỔ CHÍ PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK: 154, 642, 632)

- Tài khoản:
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:
Tháng.....năm.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Ghi Nợ tài khoản				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kì						
			Số phát sinh trong kì						
								
			Cộng số phát sinh trong kì						
			Ghi Có TK						
			Số dư cuối kì						

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:

- Ngày tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

Ví dụ minh họa: Sổ chi tiết bán hàng (cá song) tại công ty tháng 12 (biểu 3.3)

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty CP du lịch Trung Hậu

Mẫu số S16-DNN

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương,
Đồ Sơn- Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm : Cá song

Tháng: 12/2018

Quyển số:.....

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày			Số lượng (kg)	Đơn giá (đ/kg)	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số phát sinh trong kỳ						
20/12/18		20/12	Dịch vụ ăn uống	111	7,6	550.000	4.180.000		
								
			Cộng số phát sinh		215,3		118.415.000		
			Doanh thu thuần				118.415.000		
			Giá vốn hàng bán				75.355.000		
			Lãi gộp				43.060.000		

- Sổ này có ...trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Ví dụ minh họa: Sổ chi phí bán hàng tại công ty tháng 12 (biểu 3.4)

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty CP du lịch Trung Hậu

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: Đường Vạn Hoa, khu 2, p. Vạn Hương, Đồ Sơn- Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHÍ PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tài khoản: 632
 - Tên sản phẩm, dịch vụ: Cá song
- Tháng 12 năm 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản 632				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
20/12/18		20/12	Dịch vụ ăn uống		2.660.000				
								
			Cộng số phát sinh trong kỳ		75.355.000				
			Số dư cuối kỳ		75.355.000				

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

3.4.2 Kiến nghị 2: Về chính sách chăm sóc khách hàng

- Lý do kiến nghị: Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn thu hút được những khách hàng cũ, công ty nên xây dựng các chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp với tình hình của công ty.

- Mục tiêu của giải pháp: Việc áp dụng chính sách chăm sóc khách hàng như vậy không những công ty có thể giữ lại khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty.

- Cách thức tiến hành:

+ Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu tạo các thẻ VIP với mức hưởng chiết khấu 2%, 5%, 7% cho khách hàng thường xuyên sử dụng dịch vụ của công ty và xây dựng thêm hệ thống tích lũy điểm, xu quy đổi theo hoá đơn

+ Tặng ưu đãi đối với những khách hàng thanh toán hoá đơn với số tiền lớn.

* $3.000.000 < \text{Hoá đơn} < 4.000.000$: Tặng kèm hoa quả tráng miệng,...

* $4.000.000 < \text{Hoá đơn} < 7.000.000$: Tặng 6 lon nước ngọt,...

* $\text{Hoá đơn} > 7.000.000$: Tặng 01 chai rượu vodka cá sấu,...

+ Giảm 3% cho những khách hàng giới thiệu các dịch vụ của công ty cho những khách hàng khác.

+ Tặng voucher cho khách hàng nhân dịp sinh nhật, dịp đặc biệt,... để tri ân khách hàng thân thiết

.....

3.4.3 Kiến nghị 3: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

- **Lý do kiến nghị:** Hiện nay Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian công sức của kế toán. Theo em, công ty nên cân nhắc đầu tư sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế.

- **Mục tiêu giải pháp:** Giúp tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, giảm chi phí thuê kế toán giỏi, giàu kinh nghiệm, cập nhật các thông tư, quy định mới một cách nhanh chóng, chính xác hơn.

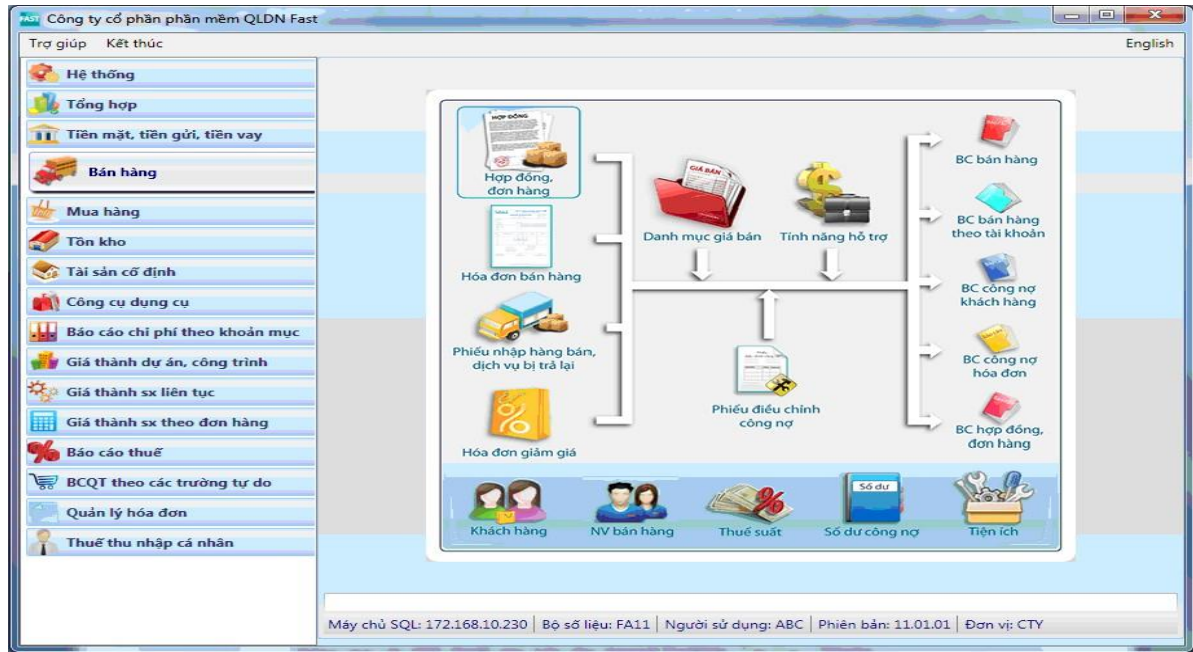
- **Cách thức tiến hành giải pháp:** Công ty áp dụng phần mềm kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp như MISA, FAST... Với hình thức nhật kí chung công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA.

Phần mềm kế toán MISA:



Hình 3.3 Giao diện hoạt động phần mềm kế toán MISA

Hay sử dụng phần mềm kế toán FAST:



Hình 3.4: Giao diện hoạt động phần mềm kế toán FAST

Cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin hiện nay. Việc áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán kế toán tại công ty là cần thiết đối với công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu là một công ty có khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều. Áp dụng phần mềm kế toán tiết kiệm được thời gian và chi phí nhân viên kế toán, giúp cho công tác quản lý được nâng cao, công việc hạch toán kế toán của công ty không bị chậm đổi mới.

Theo như hiện nay thì mỗi kế toán đã được trang bị một máy tính riêng việc đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng là hợp lí và thuận lợi, trình độ của kế toán trong ứng dụng tin học cao ít gặp trở ngại khi sử dụng phần mềm. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các số, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng đảm bảo cho công tác hạch toán của Công ty sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với công ty.

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp

3.5.1 Về phía nhà nước

- Tạo điều kiện cho tổ chức cá nhân kinh doanh một cách hợp pháp và thuận lợi thông qua việc hạn chế các thủ tục hành chính phức tạp không cần thiết
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp lý chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm
- Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

3.5.2 Về phía doanh nghiệp

- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.
- Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm và có đạo đức nghề nghiệp
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính
 - Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính
 - Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán
 - Cán bộ quản lý phải nắm vững và tổ chức việc thực hiện chính sách
 - Chế độ kế toán hiện hành, thường xuyên cập nhật áp dụng chính sách thông tư mới do Bộ tài chính bổ sung và hoàn thiện
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định kết quả kinh doanh sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất, tăng thu nhập.

Đề tài khoá luận của em là: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Bài khoá luận trình bày những lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu năm 2018

Về mặt thực tế: Bài khoá luận đã phản ánh khá đầy đủ về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

Về mặt giải pháp: Bài khoá luận đã nêu một số những ý kiến, giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu

Do thời gian thực tập có hạn, kiến thức của bản thân còn hạn chế nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo.

Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán đã tận tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho bài biết này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo hướng dẫn Thạc Sĩ Phạm Văn Tường – người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 2 tháng 1 năm 2020

Sinh viên

Nguyễn Hoàng Giang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính - Nhà xuất bản Tài Chính)
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. *Khoá luận tốt nghiệp khoá trước*
4. Các trang web: www.timtailieu.vn, www.doko.vn,...
5. Và một số tài liệu sổ sách do Công ty Cổ phần Du lịch Trung Hậu cung cấp